

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày 8-5-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P; nơi cư trú: Xóm Đ, thôn L, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quý N; nơi cư trú: Xóm Đ, thôn L, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Quý N kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã A, huyện A cho đến năm 2013 chuyển về sống chung với gia đình anh N ở Xóm Đ, thôn L, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai bên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2014 đến nay, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quý N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Quý N có 02 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2013. Ly hôn chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cho chị và anh N mỗi người có trách nhiệm nuôi dưỡng một con chung, chị nuôi con chung Nguyễn Quỳnh N còn để anh N nuôi con chung Nguyễn Minh Q sau ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Quý N không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Quý N vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai anh N trình bày:

Anh và chị P lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A. Sau khi kết hôn hai bên về sống chung tại thôn C, xã A được một thời gian hai bên chuyển về thôn L, xã L, huyện A chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên va chạm cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra anh đã tìm nhiều giải pháp khắc phục nhưng không có kết quả. Chị P đã bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh. Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị P có 02 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2013. Nếu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh, anh có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 70, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81,

82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Quý N. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 cho anh Nguyễn Quý N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2013 cho chị Trần Thị P nuôi dưỡng sau ly hôn, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 09 tháng 4 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Quý N: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Quý N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quý N về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm tin tưởng nhau. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, anh N có quan điểm không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên đoàn tụ, Tòa án đã báo anh N đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn cho anh N và chị P. Tuy nhiên, anh N vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ, tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt. Bản thân chị P vẫn xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không có hạnh phúc và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quý N. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quý N đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh N là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Quý N.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quý N có hai con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2013. Quá trình giải quyết vụ án chị P có quan điểm đề nghị Tòa án giao cho chị và anh N mỗi người nuôi dưỡng một con chung sau ly hôn. Chị có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Quỳnh N còn anh N nuôi con Nguyễn Minh Q còn anh N có quan điểm nếu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự, nguyện vọng của con chung. Giao con chung Nguyễn Quỳnh N cho chị P nuôi dưỡng, anh Nguyễn Quý N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Q sau ly hôn là phù hợp. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 09 tháng 05 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quý N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Quý N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Quý N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2013 cho chị Trần Thị P nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2005 cho anh Nguyễn Quý N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Thời hạn nuôi

con chung tính từ ngày 09 tháng 5 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007465 ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Quý N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi

Trần Thị Thúy

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đồng Thái, A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND TT A, A, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế

